

ỦY BAN NHÂN DÂN CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 927./2007/QĐ-UBND

Vũng Tàu, ngày 03 tháng 12 năm 2007

QUYẾT ĐỊNH

V/v ban hành Quy định về khuyến khích đầu tư
và quản lý Khu xử lý chất thải

tại xã Tóc Tiên, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU

Căn cứ Luật tổ chức Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân ngày 03 tháng 12 năm 2004;

Căn cứ Luật bảo vệ môi trường ngày 29 tháng 11 năm 2005;

Căn cứ Nghị định 59/2007/NĐ.CP của Chính phủ ngày 09 tháng 4 năm 2007 về quản lý chất thải rắn;

Căn cứ Nghị định 108/2006/NĐ.CP của Chính phủ ngày 22 tháng 9 năm 2006 Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật đầu tư;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình 1804/TT.STNMT.MT ngày 01 tháng 10 năm 2007,


QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Nay ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về khuyến khích đầu tư và quản lý Khu xử lý chất thải tại xã Tóc Tiên, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực sau 10 ngày, kể từ ngày ký

Điều 3. Chánh văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Kế hoạch và đầu tư, Tài chính, Xây dựng, Trưởng ban quản lý các

KCN tỉnh, Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố, Giám đốc Công ty môi trường, Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận: 

- VP CP;
- Website CP;
- Cục KTVB
- CT, PCT UBND tỉnh;
- UBMTTQ VN tỉnh;
- Các Đoàn thể cấp tỉnh;
- Đoàn đại biểu QH tỉnh;
- Sở TP;
- Tâm công báo tỉnh;
- Đài PTTH tỉnh;
- Báo BRVT;
- Như Điều 3;
- Lưu VT-TH.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN 
CHỦ TỊCH





Trần Minh Sanh

QUY ĐỊNH

về khuyến khích đầu tư và quản lý khu xử lý chất thải
tại Tóc Tiên, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu
(Ban hành kèm theo Quyết định số: 92/2007/QĐ-UBND
ngày 04 tháng 12 năm 2007 của UBND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu)

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh:

- a. Quy định này quy định về hoạt động quản lý và xử lý chất thải trong Khu xử lý chất thải;
- b. Quyền và nghĩa vụ của các chủ thể liên quan đến Khu xử lý chất thải.

2. Đối tượng áp dụng:

- a. Quy định này áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước có hoạt động liên quan đến Khu xử lý chất thải;
- b. Các cơ quan chức năng liên quan của tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, và UBND huyện Tân Thành.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

Trong Quy định này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Khu xử lý chất thải: Là Khu xử lý chất thải 100 hecta tại xã Tóc Tiên, huyện Tân Thành.
2. Chủ đầu tư: Là các tổ chức trong và ngoài nước đầu tư các cơ sở xử lý chất thải trong Khu xử lý chất thải.
3. Cơ sở xử lý chất thải: Là nơi tổ chức xử lý chất thải bằng biện pháp chôn lấp hợp vệ sinh, đốt, sản xuất phân hữu cơ hoặc các biện pháp xử lý khác đảm bảo đạt tiêu chuẩn môi trường.

4. Chất thải: Là vật chất ở thể rắn, lỏng được thải ra từ sản xuất, kinh doanh, dịch vụ và sinh hoạt, bao gồm các loại:

- a. Chất thải rắn công nghiệp thông thường;
- b. Chất thải nguy hại;
- c. Chất thải rắn sinh hoạt;
- d. Nước thải từ các nhà vệ sinh.

5. Chất gây ô nhiễm: Là chất khi xuất hiện trong môi trường thì làm cho môi trường bị ô nhiễm.

6. Chất thải nguy hại: Là chất thải chứa yếu tố độc hại, phóng xạ, dễ cháy, dễ nổ, dễ ăn mòn, dễ lây nhiễm, gây ngộ độc và được quy định cụ thể tại Danh mục chất thải nguy hại được ban hành kèm theo Quyết định số 23/2006/QĐ-BTNMT ngày 26/12/2006 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc ban hành Danh mục chất thải nguy hại.

7. Ô nhiễm môi trường: Là sự biến đổi của các thành phần môi trường không phù hợp với tiêu chuẩn môi trường, gây ảnh hưởng xấu đến con người, sinh vật.

8. Tiêu chuẩn nước thải: Là tiêu chuẩn Việt Nam TCVN 5945:2005.

9. Tiêu chuẩn khí thải: Là Tiêu chuẩn Việt Nam TCVN 5939:2005, TCVN 5940:2005.

10. Quan trắc môi trường: Là quá trình theo dõi có hệ thống về môi trường, các yếu tố tác động lên môi trường nhằm cung cấp thông tin phục vụ đánh giá hiện trạng, diễn biến chất lượng môi trường và các tác động xấu đối với môi trường.

11. Sự cố môi trường: Là tai biến hoặc rủi ro xảy ra trong quá trình hoạt động của con người hoặc biến đổi bất thường của tự nhiên, gây ô nhiễm, suy thoái hoặc biến đổi môi trường nghiêm trọng.

12. Quyết định 23/2007/QĐ-UBND: Là Quyết định 23/2007/QĐ-UBND của UBND tỉnh ngày 19/4/2007 về việc ban hành quy định về trình tự, thủ tục triển khai dự án đầu tư bên ngoài các khu công nghiệp, khu chế xuất và khu công nghệ cao trên địa bàn tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Điều 3. Các hành vi bị cấm

1. Lưu giữ chất thải trong Khu xử lý chất thải không đúng nơi quy định.

2. Chôn lấp chất thải trong Khu xử lý chất thải không đảm bảo hợp vệ sinh.

3. Các chất thải được xử lý tại các cơ sở xử lý chất thải rắn sinh hoạt và chất thải công nghiệp thông thường không được phép lẫn chất thải nguy hại.

4. Nước rỉ rác, nước mưa chảy tràn lẫn chất gây ô nhiễm chưa được xử lý đạt tiêu chuẩn nước thải khi thải ra môi trường.

5. Khí thải phát sinh từ quá trình xử lý chất thải bằng biện pháp đốt chưa đạt tiêu chuẩn khí thải khi thải ra môi trường.

6. Mùi hôi phát sinh từ quá trình chôn lấp chất thải rắn.

Chương II

CHÍNH SÁCH KHUYẾN KHÍCH ĐẦU TƯ

Điều 4. Nguyên tắc đầu tư

1. Nhà nước khuyến khích mọi thành phần kinh tế tham gia đầu tư cơ sở xử lý chất thải trong Khu xử lý chất thải.

2. Đầu tư xử lý chất thải phải đồng bộ, xử lý triệt để chất thải, bảo đảm đạt hiệu quả về kinh tế và các yêu cầu về bảo vệ môi trường.

Điều 5. Ưu đãi đầu tư

Các chủ đầu tư tham gia đầu tư các cơ sở xử lý chất thải trong Khu xử lý chất thải được ưu đãi đầu tư, bao gồm:

1. Miễn tiền sử dụng đất, hỗ trợ chi phí đền bù giải phóng mặt bằng.

2. Hỗ trợ đầu tư hệ thống cơ sở hạ tầng kỹ thuật như hệ thống giao thông, thông tin liên lạc, cấp điện, cấp nước, thoát nước đến chân hàng rào các cơ sở xử lý chất thải.

3. Bảo đảm nguồn vốn vay tín dụng ưu đãi bằng thế chấp các tài sản được hình thành từ vốn vay.

4. Được hưởng chính sách miễn thuế nhập khẩu đối với trang thiết bị, nguyên vật liệu phục vụ cho các dự án đầu tư cơ sở xử lý chất thải, miễn giảm thuế thu nhập doanh nghiệp theo quy định hiện hành của pháp luật.

5. Ưu tiên lựa chọn các công nghệ hoàn chỉnh trong nước có khả năng xử lý triệt để chất thải và có hiệu quả kinh tế, kỹ thuật.

6. Hỗ trợ đào tạo lao động; hỗ trợ nghiên cứu và phát triển công nghệ tái chế, tái sử dụng từ nguồn ngân sách nhà nước.

7. Các ưu đãi khác đối với loại hình xử lý chất thải theo quy định của pháp luật.

Điều 6. Chuyển nhượng cơ sở xử lý chất thải

1. Chủ đầu tư được quyền chuyển nhượng cơ sở xử lý chất thải và các công trình phụ trợ cho chủ đầu tư mới theo các quy định của pháp luật.
2. Chủ đầu tư mới có trách nhiệm thực hiện các quy định tại Điều 19 của Quy định này và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

Chương III

HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ TRONG KHU XỬ LÝ CHẤT THẢI

Điều 7. Bố trí các dự án đầu tư trong Khu xử lý chất thải

1. Các dự án đầu tư cơ sở xử lý chất thải trong Khu xử lý chất thải được giao đất thực hiện dự án theo đúng quy hoạch đã được phê duyệt.
2. Trong trường hợp cần thiết phải giao đất theo yêu cầu của chủ đầu tư không phù hợp với quy hoạch đã được phê duyệt thì chỉ được phép giao đất để triển khai dự án khi quy hoạch chi tiết 1/2000 Khu xử lý chất thải được cơ quan có thẩm quyền cho phép điều chỉnh quy hoạch.

Điều 8. Công nghệ xử lý

1. Công nghệ đốt chất thải nguy hại.
2. Công nghệ đốt chất thải rắn sinh hoạt tạo năng lượng.
3. Công nghệ sản xuất phân hữu cơ.
4. Công nghệ chôn lấp chất thải rắn thông thường hợp vệ sinh.
5. Công nghệ chôn lấp chất thải nguy hại hợp vệ sinh.
6. Công nghệ tái chế chất thải thành các vật liệu và chế phẩm xây dựng.
7. Công nghệ cơ học, sinh học, hóa học xử lý nước thải hầm cầu, nước rỉ rác, nước mưa lẫn chất gây ô nhiễm và khí thải.

Điều 9. Lựa chọn công nghệ xử lý

1. Việc lựa chọn công nghệ xử lý chất thải phải căn cứ theo tính chất và thành phần của chất thải.
2. Khuyến khích lựa chọn công nghệ đồng bộ, tiên tiến cho hoạt động tái chế, tái sử dụng chất thải để tạo ra nguyên liệu và năng lượng.

3. Khuyến khích áp dụng công nghệ tiên tiến để xử lý triệt để chất thải, giảm thiểu khối lượng chất thải rắn phải chôn lấp, tiết kiệm quỹ đất sử dụng chôn lấp và bảo đảm vệ sinh môi trường.

Điều 10. Nội dung dự án đầu tư xây dựng cơ sở xử lý chất thải

Dự án đầu tư cơ sở xử lý chất thải ngoài các nội dung theo yêu cầu của pháp luật về đầu tư xây dựng, nội dung của dự án phải làm rõ các yêu cầu sau:

1. Giải pháp công nghệ xử lý chất thải và công nghệ xử lý các chất thải phát sinh trong quá trình xử lý chất thải; hiệu quả của công nghệ xử lý chất thải.

2. Các biện pháp bảo đảm an toàn trong quá trình vận hành; giải pháp xử lý các tình huống sự cố môi trường.

3. Kế hoạch và chương trình quan trắc môi trường.

4. Phương án phục hồi môi trường sau khi đóng bãi chôn lấp hoặc kết thúc hoạt động cơ sở xử lý chất thải.

5. Nguồn chất thải đảm bảo cho hoạt động của dự án.

6. Các đề xuất về ưu đãi đầu tư đối với dự án.

7. Nội dung về kinh tế - tài chính:

a. Xác định tổng mức đầu tư xây dựng cơ sở xử lý chất thải;

b. Nguồn vốn và cung cấp vốn theo tiến độ của dự án;

c. Chi phí xử lý chất thải;

d. Kinh phí thu được từ việc kinh doanh các sản phẩm tái chế, tái sử dụng;

e. Kinh phí hỗ trợ từ ngân sách tỉnh để bù đắp chi phí xử lý chất thải rắn sinh hoạt;

f. Chi phí phải trả cho chủ đầu tư xử lý các chất thải công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại và nước thải hàm cầu;

g. Khả năng thu hồi vốn đầu tư.

Điều 11. Chấp thuận chủ trương đầu tư

1. Quy trình tiếp nhận và chấp thuận chủ trương đầu tư thực hiện đúng theo quy định tại Quyết định 23/2007/QĐ-UBND.

2. Để làm rõ các biện pháp xử lý chất thải, các biện pháp bảo đảm an toàn trong quá trình vận hành, giải pháp xử lý các tình huống sự cố môi trường, kế hoạch và chương trình quan trắc môi trường của các dự án xử lý chất thải, Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm yêu cầu chủ đầu tư

trình bày cụ thể các nội dung nêu tại khoản 2, Điều 16 của Nghị định 59/2007/NĐ-CP của Chính phủ ngày 09/4/2007 về quản lý chất thải rắn và trả lời bằng văn bản cho Sở Kế hoạch và Đầu tư nhưng đảm bảo thời gian không quá 20 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản hỏi ý kiến của Sở Kế hoạch và Đầu tư.

Điều 12. Thỏa thuận địa điểm và bàn giao mốc thực địa để đầu tư xây dựng công trình

1. Sau khi có chủ trương chấp thuận đầu tư của UBND tỉnh, căn cứ quy hoạch 1/2000 đã được duyệt, Công ty Môi trường đề xuất Sở Tài nguyên và Môi trường thỏa thuận địa điểm để lập dự án đầu tư xây dựng công trình.

2. Sau khi dự án được UBND tỉnh cấp Giấy chứng nhận đầu tư, Sở Tài nguyên và Môi trường tiến hành bàn giao mốc thực địa để chủ đầu tư tiến hành xây dựng công trình.

Điều 13. Tiếp nhận, thẩm tra và cấp Giấy chứng nhận đầu tư

Quy trình tiếp nhận, thẩm tra và cấp Giấy chứng nhận đầu tư thực hiện đúng theo quy định tại Quyết định 23/2007/QĐ-UBND.

Điều 14. Điều chỉnh dự án đầu tư

1. Khi điều chỉnh dự án đầu tư xử lý chất thải liên quan đến mục tiêu, quy mô, địa điểm, hình thức và thời gian thực hiện dự án, chủ đầu tư phải làm thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư.

2. Thủ tục xin điều chỉnh dự án đầu tư do Chủ đầu tư xây dựng, bao gồm dự án đầu tư, các bản vẽ, thiết kế cơ sở và các tài liệu có liên quan và gửi toàn bộ hồ sơ xin điều chỉnh đầu tư đến Sở Kế hoạch và Đầu tư.

3. Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Tài chính, Sở Xây dựng xem xét và thống nhất trình UBND tỉnh xem xét, quyết định.

Điều 15. Đình chỉ hoạt động của dự án đầu tư

1. Dự án đã được cho phép đầu tư nhưng sau 12 tháng không triển khai hoặc dự án chậm tiến độ quá 12 tháng so với tiến độ mà Chủ đầu tư đã cam kết với tỉnh.

2. Dự án đi vào hoạt động nhưng không có khả năng xử lý các chất thải phát sinh do quá trình vận hành không đạt tiêu chuẩn môi trường, gây ô nhiễm môi trường xung quanh.

3. Vi phạm các quy định của pháp luật mà theo đó pháp luật quy định phải đình chỉ hoạt động.

4. Việc cho phép dự án tiếp tục triển khai hoặc hoạt động trở lại do UBND tỉnh quyết định trên cơ sở đề xuất của Sở Tài nguyên và Môi trường và các ngành có liên quan.

Điều 16. Trách nhiệm của Công ty Môi trường trong Khu xử lý chất thải

1. Đầu mối cung cấp thông tin về Khu xử lý chất thải của tỉnh cho các nhà đầu tư cơ sở xử lý chất thải.

2. Đầu tư, nâng cấp, duy tu các công trình phụ trợ, hệ thống xử lý nước thải tập trung của Khu xử lý chất thải.

3. Vận hành công trình xử lý nước thải tập trung và theo dõi các hoạt động của các cơ sở xử lý chất thải trong Khu xử lý chất thải và kịp thời báo cáo các cơ quan có thẩm quyền xử lý khi phát hiện vi phạm.

4. Quản lý tài nguyên đất đai tại các khu vực chưa giao cho các nhà đầu tư và các tài sản được đầu tư từ ngân sách tỉnh trong Khu xử lý chất thải.

5. Thu phí xử lý nước thải của các chủ đầu tư xử lý chất thải.

6. Định kỳ 06 tháng/01 lần báo cáo Sở Tài nguyên và Môi trường về tình hình hoạt động của toàn Khu xử lý chất thải.

Điều 17. Trách nhiệm và quyền lợi của chủ đầu tư các cơ sở xử lý chất thải trong Khu xử lý chất thải

1. Trách nhiệm:

a. Thực hiện đầu tư xây dựng cơ sở xử lý chất thải theo đúng các quy định của pháp luật về đầu tư xây dựng;

b. Công nghệ xử lý chất thải của dự án phải được thẩm định trước khi lắp đặt và đưa vào vận hành;

c. Khi có nhu cầu thay đổi nội dung đầu tư xây dựng hoặc thay đổi công nghệ, chủ đầu tư phải thực hiện các nội dung và trình tự về đầu tư xây dựng theo quy định của pháp luật;

d. Tổ chức vận hành cơ sở xử lý chất thải theo đúng dự án và báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt;

e. Nước thải bao gồm nước rỉ rác, nước làm vệ sinh nhà xưởng, nước mưa chảy tràn lẫn chất gây ô nhiễm đều phải thu gom và xử lý đạt tiêu chuẩn nước thải trước khi thải. Trong trường hợp chủ đầu tư xử lý nước thải chưa đạt tiêu chuẩn thải và phải tiếp tục xử lý nước thải tại hệ thống xử lý nước thải tập trung do nhà nước đầu tư thì Chủ đầu tư phải trả chi phí xử lý theo quy định.

f. Có trách nhiệm nộp các khoản thuế, các nghĩa vụ tài chính cho Nhà nước theo quy định của pháp luật;

g. Khi phát hiện sự cố môi trường, chủ đầu tư phải có trách nhiệm thực hiện các biện pháp khẩn cấp để bảo đảm an toàn cho người và tài sản, kịp thời thông báo cho UBND huyện Tân Thành, Sở Tài nguyên và Môi trường để phối hợp xử lý;

h. Trong trường hợp chấm dứt hoạt động của cơ sở xử lý chất thải, chủ đầu tư phải gửi công văn tới Sở Tài nguyên và Môi trường để thông báo thời gian chấm dứt hoạt động;

i. Ngay sau khi kết thúc hoạt động của cơ sở xử lý chất thải, chủ đầu tư phải tiến hành phục hồi môi trường, ngăn ngừa ô nhiễm môi trường và cải thiện cảnh quan khu vực;

j. Chậm nhất sau 02 năm kể từ ngày đóng bãi chôn lấp và sau 01 năm kể từ ngày chấm dứt hoạt động của cơ sở xử lý chất thải, chủ đầu tư phải hoàn tất các thủ tục bàn giao đất lại cho Nhà nước. Trong thời gian chưa bàn giao đất cho Nhà nước, chủ đầu tư phải có trách nhiệm quan trắc môi trường, theo dõi diễn biến môi trường.

2. Quyền lợi:

a. Hưởng các chính sách ưu đãi, hỗ trợ của Nhà nước theo Điều 5 của Quy định này và các quy định khác của pháp luật có liên quan;

b. Được ký kết các hợp đồng kinh tế về xử lý chất thải đối với các tổ chức và cá nhân;

c. Được kinh doanh và hưởng lợi từ các sản phẩm thu được của hoạt động xử lý chất thải;

d. Được chuyển nhượng cơ sở xử lý chất thải.

Chương IV

VỐN ĐẦU TƯ VÀ CHI PHÍ XỬ LÝ CHẤT THẢI

Điều 18. Vốn đầu tư

1. Nguồn vốn xây dựng cơ sở hạ tầng kỹ thuật đến chân hàng rào các cơ sở xử lý chất thải được hỗ trợ từ nguồn vốn ngân sách tỉnh theo kế hoạch dự toán chi ngân sách hằng năm. Trong trường hợp Chủ đầu tư bỏ vốn đề đầu tư, ngân sách tỉnh sẽ đảm bảo hoàn trả chi phí đầu tư này một cách phù hợp.

2. Nguồn vốn đầu tư các cơ sở xử lý chất thải trong Khu xử lý chất thải được thực hiện theo chủ trương xã hội hóa. Các chủ đầu tư tham gia đầu tư các cơ sở xử lý chất thải trong Khu xử lý chất thải được hưởng chính sách ưu đãi của tỉnh được quy định cụ thể tại Điều 5 của Quy định này.

Điều 19. Chi phí xử lý chất thải

1. Đối với xử lý chất thải rắn sinh hoạt, chi phí xử lý được bù đắp thông qua ngân sách tỉnh. Mức bù đắp chi phí xử lý chất thải rắn sinh hoạt theo quy định do UBND tỉnh ban hành về đơn giá dịch vụ công ích trên địa bàn tỉnh. Trong trường hợp quy định này chưa được ban hành, mức bù đắp chi phí xử lý chất thải rắn sinh hoạt sẽ được xem xét dựa vào vốn và công nghệ đầu tư.

2. Chi phí xử lý chất thải công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại và nước thải hầm cầu do các chủ nguồn thải thanh toán chi phí cho Chủ đầu tư các cơ sở xử lý chất thải thông qua hợp đồng dịch vụ.

Điều 20. Hợp đồng dịch vụ xử lý chất thải

1. Hợp đồng dịch vụ xử lý chất thải gồm các dạng sau:

- a. Hợp đồng xử lý chất thải rắn sinh hoạt;
- b. Hợp đồng xử lý chất thải công nghiệp thông thường;
- c. Hợp đồng xử lý chất thải nguy hại;
- d. Hợp đồng xử lý nước thải hầm cầu.

2. Giá trị hợp đồng dịch vụ:

a. Đối với chất thải rắn sinh hoạt, giá trị hợp đồng dịch vụ được xác định trên cơ sở đơn giá do UBND tỉnh ban hành;

b. Đối với chất thải công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại, nước thải hầm cầu được xác định trên cơ sở thỏa thuận giữa chủ nguồn thải và chủ xử lý chất thải.

Chương V

BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG TRONG KHU XỬ LÝ CHẤT THẢI

Điều 21. Bảo vệ môi trường trong quá trình vận hành

1. Các chất thải vận chuyển trong Khu xử lý chất thải theo đúng tuyến quy định.

2. Các chất thải lưu giữ tạm thời trong Khu xử lý chất thải theo đúng quy định. Chất thải nguy hại được lưu giữ riêng với các chất thải thông thường.

3. Nước rỉ rác và nước mưa chảy tràn chứa chất gây ô nhiễm được thu gom hoàn toàn và xử lý đạt tiêu chuẩn nước thải.

4. Khí thải phát sinh từ các lò đốt chất thải phải được thu gom hoàn toàn và xử lý đạt tiêu chuẩn khí thải.

5. Chôn lấp chất thải phải đảm bảo theo quy trình hợp vệ sinh, không để mùi hôi gây ảnh hưởng đến môi trường xung quanh và nước rỉ rác gây ảnh hưởng đến chất lượng nguồn nước ngầm trong khu vực.

6. Các công trình về xử lý ô nhiễm phải thường xuyên vận hành đúng quy trình kỹ thuật, đảm bảo hoạt động hiệu quả. Khi các chủ đầu tư có nhu cầu duy tu, nâng cấp các công trình xử lý chất thải phải có văn bản báo cáo Sở Tài nguyên và Môi trường.

Điều 22. Quan trắc chất lượng môi trường

1. Tại các cơ sở xử lý chất thải và các công trình phụ trợ trong Khu xử lý chất thải và các khu vực xung quanh Khu xử lý chất thải đều phải tổ chức quan trắc trong suốt thời gian hoạt động và 05 năm kể từ khi Khu xử lý chất thải ngừng hoạt động.

2. Chủ đầu tư các cơ sở xử lý chất thải có trách nhiệm quan trắc trong cơ sở xử lý thuộc trách nhiệm quản lý. Công ty môi trường có trách nhiệm quan trắc xung quanh các cơ sở xử lý chất thải và các khu vực xung quanh Khu xử lý chất thải.

3. Quan trắc môi trường bao gồm: môi trường không khí, môi trường nước ngầm và nước mặt, môi trường đất, tiếng ồn và độ rung. Vị trí các trạm quan trắc phải bố trí ở các điểm đặc trưng có thể xác định được các diễn biến môi trường do ảnh hưởng của quá trình xử lý chất thải. Tần suất và thông số quan trắc phải được xác định cụ thể trong báo cáo đánh giá tác động môi trường được Bộ Tài nguyên và Môi trường hoặc Sở Tài nguyên và Môi trường phê duyệt theo quy định tại Nghị định 80/2006/NĐ-CP ngày 08/9/2006 của Chính phủ về việc quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Luật bảo vệ môi trường.

4. Kết quả quan trắc phải báo cáo cho Sở Tài nguyên và Môi trường định kỳ 03 tháng/01 lần.

Điều 23. Phục hồi, tái sử dụng diện tích đất sau khi chấm dứt hoạt động các cơ sở xử lý chất thải hoặc Khu xử lý chất thải

1. Toàn bộ Khu xử lý chất thải hoặc từng cơ sở xử lý chất thải trong Khu xử lý chất thải khi chấm dứt hoạt động phải được quản lý chặt chẽ, thực hiện phục hồi và cải thiện cảnh quan môi trường.

2. Quy trình đóng cửa, phục hồi, tái sử dụng diện tích đất sau khi chấm dứt hoạt động của từng cơ sở xử lý chất thải hoặc toàn Khu xử lý chất thải phải được thực hiện theo đúng quy định tại Điều 34 của Nghị định 59/2007/NĐ-CP ngày 09/4/2007 của Chính phủ về quản lý chất thải rắn.

Chương VI

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 24. Trách nhiệm của Sở Tài nguyên và Môi trường và các cơ quan có liên quan như sau

1. Sở Tài nguyên và Môi trường:

a. Quản lý Nhà nước về quản lý chất thải trong Khu xử lý chất thải;

b. Triển khai quy hoạch Khu xử lý chất thải đã được UBND tỉnh phê duyệt, đảm bảo thỏa thuận địa điểm và bàn giao mốc thực hiện để đầu tư công trình đúng theo quy hoạch đã được phê duyệt;

c. Đề xuất UBND tỉnh mở rộng Khu xử lý chất thải khi cần thiết và sử dụng đất Khu xử lý chất thải sau khi chấm dứt hoạt động.

2. Sở Tài chính có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường và Sở Kế hoạch và Đầu tư kiến nghị UBND tỉnh hỗ trợ chi phí xử lý chất thải rắn thải sinh hoạt hằng năm cho các nhà đầu tư từ nguồn ngân sách tỉnh.

3. Sở Kế hoạch và Đầu tư là đầu mối tiếp nhận các dự án đầu tư, trình UBND tỉnh chấp thuận chủ trương đầu tư; tổ chức thẩm tra và trình UBND tỉnh cấp Giấy chứng nhận đầu tư. Đồng thời, chịu trách nhiệm cân đối nguồn vốn xây dựng cơ bản để đầu tư mới hoặc nâng cấp, duy tu các công trình phụ trợ trong Khu xử lý chất thải theo dự án được UBND tỉnh phê duyệt.

4. Sở Xây dựng chịu trách nhiệm quản lý quy hoạch Khu xử lý chất thải và kiến nghị UBND tỉnh điều chỉnh quy hoạch theo đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường.

5. Sở Khoa học và công nghệ có trách nhiệm thẩm định công nghệ của các dự án đầu tư cơ sở xử lý chất thải trong Khu xử lý chất thải.

4. Sở Xây dựng chịu trách nhiệm quản lý quy hoạch Khu xử lý chất thải và kiến nghị UBND tỉnh điều chỉnh quy hoạch theo đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường.

5. Sở Khoa học và công nghệ có trách nhiệm thẩm định công nghệ của các dự án đầu tư cơ sở xử lý chất thải trong Khu xử lý chất thải.

6. UBND huyện Tân Thành có trách nhiệm thực hiện công tác đền bù giải tỏa Khu xử lý chất thải và phối hợp với các ngành có liên quan thực hiện tốt các nhiệm vụ thuộc thẩm quyền.

Điều 25. Thanh tra, kiểm tra

1. Thanh tra các cấp và thanh tra chuyên ngành thực hiện chức năng thanh tra, kiểm tra và xử lý các vi phạm về quản lý, xử lý chất thải và các vi phạm khác theo quy định của pháp luật.

2. Các tổ chức, cá nhân có trách nhiệm phát hiện, ngăn chặn hoặc thông báo kịp thời cho Sở Tài nguyên và Môi trường hoặc UBND huyện Tân Thành những hành vi vi phạm pháp luật trong hoạt động quản lý chất thải.

Điều 26. Xử lý vi phạm

1. Các tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm các quy định tại Quy định này, tùy theo tính chất, mức độ vi phạm sẽ bị xử phạt vi phạm hành chính theo Nghị định 81/2006/NĐ-CP ngày 09 tháng 8 năm 2006 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường và các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan hoặc bồi thường thiệt hại theo quy định của pháp luật.

2. Các tổ chức, cá nhân có hành vi cố ý vi phạm và gây hậu quả nghiêm trọng về môi trường sẽ bị truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật.

Điều 27. Tổ chức thực hiện

Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Xây dựng, UBND huyện Tân Thành và các Sở, ban, ngành, Công ty môi trường, Thủ trưởng các đơn vị có liên quan có liên quan chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện Quy định này.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Trần Minh Sanh